

Số: 793/2026/QĐST-HNGĐ *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 679/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Chấn N, sinh năm 1977; Căn cước công dân số: 07907702xxxx do Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021;

Địa chỉ: 86 đường N, Tổ dân phố 41, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Ngọc D, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 07918403xxxx do Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/10/2022;

Địa chỉ: 123/16/5 đường B, Khu phố 1, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Dương Chấn N và bà Nguyễn Thụy Ngọc D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Chấn N và bà Nguyễn Thụy Ngọc D thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 1, quyền số 1/2009 do Ủy ban nhân

dân Phường A, Quận B (nay là Ủy ban nhân dân phường P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/01/2009 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Dương Chấn P, sinh ngày 19/6/2009 và Dương Chấn T, sinh ngày 06/02/2015 cho bà Nguyễn Thụy Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng vào ngày 10 dương lịch, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng; hai trẻ là 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ ngày 10/5/2026 cho đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp, ông N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông N phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thực hiện tại thời điểm thanh toán.

Ông Dương Chấn N quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Ông Dương Chấn N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E, số 0023398 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng Thi hành án dân sự KV10 -TP.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (12).



THẨM PHÁN

Phạm Thị Tuyết